TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **235**/2025/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật Phí và Lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: **30**/2016, ngày 25 tháng 3 năm 2016 tại UBND phường N, Thành phố V, tỉnh P.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **212**/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người yêu cầu sau đây:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 27, Khu 3, phường N, Thành phố V, tỉnh P.

- Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khu N, phường X, quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tình cảm:*** Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại UBND phường N, Thành phố V, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có sự khác nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Gia đình và bạn bè hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh T, chị H có 01 người con chung là: Cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày 27/12/2019 (Nữ). Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị Đỗ Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 9.000.000 VND/tháng (Chín triệu đồng/Một tháng) cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H có 01 người con chung là: Cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày 27/12/2019 (Nữ).

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Chị Đỗ Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 9.000.000 VND/tháng (Chín triệu đồng/Một tháng) cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không bị ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp theo biên lai số: 0075860 ngày 30/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H. Ghi nhận anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H